

Số: /BC-SNN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO
Về thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2022

Kính gửi: Thanh tra tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Công văn số 296/TTr-PCTN ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Thanh tra tỉnh Đồng Tháp về việc báo cáo thông tin, số liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2022.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT) báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2022, như sau:

1. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu
I	Kết quả kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2022 (số liệu kê khai tính trong thời kỳ từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022; số liệu công khai từ ngày 01/01/2022 đến 01/4/2023 và không bao gồm kết quả công khai các bản kê khai của các năm trước và sau năm 2022)		
1	Số người đã kê khai TSTN lần đầu	Người	22
2	Số người đã kê khai TSTN hàng năm	Người	61
3	Số người đã kê khai TSTN bổ sung	Người	02
4	Số người đã kê khai TSTN phục vụ công tác cán bộ ⁽¹⁾	Người	10
5	Tổng số người đã được công khai bản Kê khai TSTN	Người	95
5.1	Số người đã được công khai bản Kê khai TSTN bằng hình thức niêm yết	Người	85
II	Kết quả xác minh tài sản, thu nhập năm 2022 (số liệu tính từ 08/02/2022 đến ngày 30/4/2023)		

¹ Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (không tính kê khai phục vụ công tác quy hoạch).

6	Tổng số người đã tiến hành xác minh trong kỳ. Trong đó:	Người	0
6.1	Số người được xác minh ngẫu nhiên theo kế hoạch của năm 2022 (<i>những người xác minh ngẫu nhiên theo kế hoạch của năm 2023 không đưa vào báo cáo này</i>).	Người	
6.2	Số người được xác minh thuộc các trường hợp khác (<i>không phải là xác minh ngẫu nhiên theo kế hoạch năm 2022</i>)	Người	
7	Số người đã ban hành kết luận xác minh	Người	0
7.1	Số người chưa ban hành kết luận xác minh	Người	
8	Tổng số người đã có kết luận là không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập hoặc không trung thực trong việc giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm hoặc có nhiều hành vi vi phạm trong việc kê khai tài sản, thu nhập trong đó có ít nhất 01 hành vi không trung thực nêu trên	Người	0
9	Số người đã có kết luận về nhưng vi phạm, sai sót khác như kê khai sai mẫu, chưa bảo đảm theo hướng dẫn, không đầy đủ thông tin, thiếu chính xác về số liệu, thông tin kê khai, chậm thời hạn so với quy định... (nhưng không bị kết luận là không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập hoặc không trung thực trong việc giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm)	Người	0
III	Kết quả xử lý vi phạm trong công tác kê khai tài sản thu nhập		
10	Số người bị xử lý do không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm: <i>Trong đó:</i>	Người	0
10.1	Xóa tên khỏi danh sách những người ứng cử	Người	
10.2	Không được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, cử vào chức vụ đã dự kiến	Người	
10.3	Kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo	Người	

10.4	Kỷ luật bằng hình thức hạ bậc lương	Người	
10.5	Kỷ luật bằng hình thức giáng chức	Người	
10.6	Kỷ luật bằng hình thức cách chức	Người	
10.7	Kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm	Người	
11	Số người bị xử lý kỷ luật do có những vi phạm khác trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0

2. Đánh giá chung

Để thực hiện tốt kê khai tài sản và kiểm soát kê khai tài sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, đôn đốc các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện việc kê khai đảm bảo thời gian, đầy đủ nội dung và đúng đối tượng; chỉ đạo, phân công cho Văn phòng Sở phối hợp với Thanh tra Sở hướng dẫn các đối tượng phải kê khai và yêu cầu các đối tượng phải kê khai theo quy định. Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định và lưu giữ tại hồ sơ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức để tạo điều kiện cho mọi người thuận lợi cho việc tiếp cận, tìm hiểu.

Tất cả các cán bộ công chức, viên chức thuộc đối tượng kê khai đều kê khai tài sản thu nhập và được tiến hành công khai theo đúng quy định. Việc quản lý hồ sơ kê khai tài sản thu nhập giao cho Văn phòng Sở quản lý hồ sơ theo quy định và Thanh tra Sở tổng hợp báo cáo.

Trên đây là báo cáo kết quả về thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, TTr.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Vũ Minh

DANH SÁCH
Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (TSTN)
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-SNN
ngày tháng năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

S T T	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh/chức vụ	Đơn vị công tác	Cấp uỷ quản lý	Ghi chú
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)
A. NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP HÀNG NĂM, NĂM 2022						
I. KHỐI VĂN PHÒNG SỞ						
1	Nguyễn Phước Thiện	1978	Giám đốc Sở	BGD	X	
2	Võ Thành Ngoan	1969	Phó Giám đốc	BGD	X	
3	Huỳnh Tất Đạt	1986	Phó Giám đốc	BGD	X	
4	Lê Quốc Điền	1972	Phó Giám đốc	BGD	X	
5	Lê Duy Lam	1984	Chánh Văn phòng	Văn Phòng Sở		
6	Phạm Văn Phương	1962	Phó Chánh Văn phòng	Văn Phòng Sở		
7	Lê Thị Kiều Trang	1974	Phó Chánh Văn phòng	Văn Phòng Sở		
8	Lê Hoàng Anh	1988	Trưởng phòng KHTC	Phòng KHTC		
9	Đỗ Minh Tri	1969	Phó Trưởng phòng KHTC	Phòng KHTC		
10	Huỳnh Trung Phương	1966	Chánh Thanh tra	Thanh tra Sở		
11	Võ Hồng Nhựt	1964	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra Sở		
12	Huỳnh Phi Diễm	1969	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra Sở		
13	Lê Thị Hạnh Tiên	1978	Thanh tra viên	Thanh tra Sở		
14	Lê Thanh Bằng	1977	Thanh tra viên	Thanh tra Sở		
15	Phạm Minh Chí	1964	Thanh tra viên	Thanh tra Sở		
16	Trần Bình Nguyên	1984	Thanh tra viên	Thanh tra Sở		
17	Huỳnh Trường Giang	1986	Thanh tra viên	Thanh tra Sở		
18	Nguyễn Chí Hiếu	1968	Thanh tra viên	Thanh tra Sở		
II. CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV						
19	Trần Thanh Tâm	1976	Chi cục trưởng	Chi cục TT& BVTV		
20	Lê Văn Chấn	1973	Phó Chi cục Trưởng	Chi cục TT& BVTV		

21	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	1978	Phó Chi cục Trưởng	Chi cục TT& BVTV		
22	Nguyễn Quang Vọng	1988	Kế toán viên	Chi cục TT& BVTV		
III. CHI CỤC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN						
23	Võ Bé Hiền	1964	Chi cục trưởng	Chi cục CNTYTS		
24	Dương Thọ Trường	1968	Phó Chi cục trưởng	Chi cục CNTYTS		
25	Bạch Tuấn Kiệt	1980	Phó Chi cục trưởng	Chi cục CNTYTS		
IV. CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN						
26	Ngô Thanh Hùng	1968	Chi cục trưởng	Chi cục PTNT		
27	Nguyễn Thị Mỹ Hưng	1987	Phó Chi cục trưởng	Chi cục PTNT		
28	Phạm Thị Tuyết Anh	1971	Kế toán viên, Trưởng phòng HCTH	Chi cục PTNT		
V. CHI CỤC THỦY LỢI						
29	Huỳnh Minh Đường	1981	Chi cục trưởng	Chi cục Thủy lợi		
30	Trần Quang Thái	1987	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Thủy lợi		
VI. CHI CỤC KIỂM LÂM						
31	Nguyễn Tấn Thành	1966	Chi cục trưởng	Chi cục Kiểm lâm		
32	Nguyễn Phước Thành	1986	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Kiểm lâm		
33	Nguyễn Thanh Nhã	1990	Kiểm lâm viên, Trưởng phòng Hành chính- Tổng hợp	Chi cục Kiểm lâm		
34	Mai Phước Sang	1988	Kế toán viên, Phó trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp	Chi cục Kiểm lâm		
35	Lê Thành Đước	1984	Kiểm lâm viên trung cấp	Chi cục Kiểm lâm		
36	Nguyễn Thị Thủy	1974	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
37	Dương Thu Thảo	1993	Kiểm lâm viên, Trưởng phòng QL, PT và Sử dụng rừng	Chi cục Kiểm lâm		
38	Nguyễn Thanh Nam	1996	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
39	Lê Thị Hồng Nhung	1994	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
40	Võ Chí Nguyên	1985	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
41	Bùi Văn Sơn	1965	Kiểm lâm viên, Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR	Chi cục Kiểm lâm		

42	Võ Hữu Tài	1973	Kiểm lâm viên, Phó Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC	Chi cục Kiểm lâm		
43	Lưu Văn Tâm	1985	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
44	Nguyễn Văn Hùng	1964	Kiểm lâm viên chính	Chi cục Kiểm lâm		
45	Nguyễn Văn Khích	1973	Kiểm lâm viên, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm liên huyện Tháp Mười- Cao Lãnh	Chi cục Kiểm lâm		
46	Đoàn Diễm Phương	1991	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
47	Nguyễn Xuân Hạnh	1980	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
48	Nguyễn Thanh Liêm	1964	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
49	Nguyễn Văn Thành	1973	Kiểm lâm viên, Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm liên huyện Tháp Mười- Cao Lãnh	Chi cục Kiểm lâm		
50	Nguyễn Phú Cường	1973	Kiểm lâm viên chính, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm liên huyện Tam Nông – Tân Hồng	Chi cục Kiểm lâm		
51	Trương Thanh Hải	1972	Kiểm lâm viên, Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm liên huyện Tam Nông – Tân Hồng	Chi cục Kiểm lâm		
52	Nguyễn Khánh Huy	1969	Kiểm lâm viên, Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm liên huyện Tam Nông – Tân Hồng	Chi cục Kiểm lâm		
53	Nguyễn Văn Hải	1977	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
54	Huỳnh Văn Lực	1972	Kiểm lâm viên trung cấp	Chi cục Kiểm lâm		
55	Dương Hùng Minh	1972	Kiểm lâm viên trung cấp	Chi cục Kiểm lâm		
56	Phạm Ngọc Hà	1965	Kiểm lâm viên trung cấp	Chi cục Kiểm lâm		
57	Trương Công Định	1977	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
VII. TRUNG TÂM DỊCH VỤ NN & NSNT						
58	Lê Hoàng Vũ	1968	Giám đốc	TTDVNN&NSNT		
59	Trần Văn Nhân	1974	Phó Giám đốc	TTDVNN&NSNT		
60	Văn Công Quang	1974	Phó Giám đốc	TTDVNN&NSNT		

VIII. TRUNG TÂM UDNNCNC						
61	Nguyễn Văn Năm	1969	Giám đốc	Trung tâm UDNNCNC		
B. NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP LẦN ĐẦU NĂM 2022						
I. KHỐI VĂN PHÒNG SỞ						
1	Phạm Duy Tâm	1998	Chuyên viên Văn phòng Sở	Văn phòng Sở		
2	Nguyễn Thái Bình	1985	Chuyên viên phòng KHTC	phòng KHTC		
II. CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV						
3	Võ Trung Nguyên	1990	Công chức phòng HC-TH	Chi cục Trồng trọt và BVTV		
4	Nguyễn Hữu Tài	1991	Công chức phòng HC-TH	Chi cục Trồng trọt và BVTV		
5	Nguyễn Thị Quế Trân	1995	Công chức phòng Kỹ Thuật	Chi cục Trồng trọt và BVTV		
III. CHI CỤC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN						
6	Nguyễn Thị Thu Phương	1994	Công chức Phòng Hành chính-Tổng hợp (Kiêm thủ quỹ)	Chi cục CNTYTS		
7	Trần Thị Diễm	1984	Công chức Phòng Quản lý giống, Thuốc thú y và Thức ăn chăn nuôi	Chi cục CNTYTS		
8	Lê Vy	1987	Công chức Phòng Quản lý giống, Thuốc thú y và Thức ăn chăn nuôi	Chi cục CNTYTS		
9	Nguyễn Tâm Đồng	1986	Công chức Phòng Quản lý giống, Thuốc thú y và Thức ăn chăn nuôi	Chi cục CNTYTS		
10	Trần Thanh Lâm	1981	Công chức Phòng Quản lý giống, Thuốc thú y và Thức ăn chăn nuôi	Chi cục CNTYTS		
11	Nguyễn Việt Chương	1984	Công chức Phòng Kiểm dịch động vật, Kiểm soát giết mổ và Kiểm tra vệ sinh thú y	Chi cục CNTYTS		
12	Nguyễn Thị Lan	1986	Công chức Phòng Kiểm dịch động vật, Kiểm soát giết mổ và Kiểm tra vệ sinh thú y	Chi cục CNTYTS		
13	Huỳnh Hòa Bình	1976	Công chức Phòng Quản lý dịch bệnh	Chi cục CNTYTS		

IV. CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN						
14	Tống Thị Thoa	1998	Chuyên viên Phòng Kinh tế hợp tác và Trang trại	Chi cục PTNT		
15	Dương Cao Tâm	1997	Chuyên viên Phòng Hành chính Tổng hợp	Chi cục PTNT		
V. CHI CỤC THỦY LỢI						
16	Võ Ngọc Thanh Tâm	1982	Công chức Phòng Hành chính-Tổng hợp (Kiêm thủ quỹ)	Chi cục Thủy lợi		
17	Nguyễn Anh Huy	1998	Công chức Phòng Hành chính-Tổng hợp	Chi cục Thủy lợi		
18	Lê Thị Ngọc Bích	1996	Công chức Phòng chống thiên tai và Quản lý đê điều	Chi cục Thủy lợi		
VI. CHI CỤC KIỂM LÂM						
19	Lê Nguyễn Hải Đăng	1997	Chuyên viên	Chi cục Kiểm lâm		
20	Nguyễn Văn Phúc	1990	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
21	Trần Thị Phụng	1999	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
22	Lê Phước Hải	1989	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm		
C. NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP BỔ SUNG NĂM 2022						
I. KHÔI VĂN PHÒNG SỞ						
1	Trần Thanh Tuyền	1983	Chuyên viên	Văn phòng Sở		
II. CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN						
2	Trần Thanh Tuyền	1968	Nhân viên Lái xe	Chi cục Phát triển nông thôn		
D KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ						
I VĂN PHÒNG SỞ						
1	Nguyễn Phước Thiện	1978	Giám đốc Sở	BGD	X	
2	Võ Hồng Nhựt	1964	Phó Chánh Thanh tra	Thanh tra Sở		
II. CHI CỤC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN						

3	Nguyễn Thế Duy	1981	Trưởng Trạm Chẩn đoán xét nghiệm	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản		
III. CHI CỤC KIỂM LÂM						
4	Nguyễn Tấn Thành	1966	Chi cục Trưởng	Chi cục Kiểm lâm		
5	Nguyễn Phước Thành	1986	Phó Chi cục trưởng	Chi cục Kiểm lâm		
6	Mai Phước Sang	1988	Phó trưởng phòng	Chi cục Kiểm lâm		
7	Nguyễn Văn Thành	1973	Phó Hạt trưởng	Chi cục Kiểm lâm		
IV. CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT						
8	Nguyễn Anh Tuấn	1987	Phó trưởng phòng HC-TH	Chi cục Trồng trọt và BVTV		
9	Lê Thị Hà	1982	Trưởng trạm KDTV Nội Địa	Chi cục Trồng trọt và BVTV		
10	Đỗ Tuấn Đạt	1991	Phó trạm KDTV Nội Địa	Chi cục Trồng trọt và BVTV		Đã thôi việc